

Số: 1151/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	
ĐẾN	Số: ... 36.37 ... thuộc
	Ngày: 27.8.08
	Chuyên: <i>Đt, Cab, D, K, M</i>
	Lưu: ... <i>V, L, C</i> ...

Phê duyệt bổ sung các Dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 39/TTr -BXD ngày 15 tháng 5 năm 2008 và công văn số 1559/BXD-QLN ngày 5 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các Dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu: Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 nhằm hoàn thiện đồng bộ và phát huy hiệu quả Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long; đáp ứng nhu cầu di dời, ổn định đời sống cho số hộ dân trong các khu vực sạt lở nguy hiểm và số hộ dân còn lại trong vùng ngập lũ chưa được bố trí vào các cụm, tuyến dân cư trong giai đoạn 1 của Chương trình.

2. Nguyên tắc chỉ đạo:

- Xây dựng bổ sung các cụm, tuyến dân cư phải đảm bảo vượt đỉnh lũ năm 2000; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển đô thị nông thôn và quy hoạch thoát lũ của toàn vùng. Địa điểm xây dựng cụm, tuyến dân cư phải đảm bảo yêu cầu phòng, chống lũ lụt, hạn chế thiệt hại, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế- xã hội ở các địa phương.

- Có giải pháp xử lý sạt lở đối với các cụm, tuyến dân cư thuộc khu vực ngập sâu bị sạt lở do lũ lụt, đồng thời đầu tư xây dựng các bãi thu gom rác thải để đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường trong các cụm, tuyến dân cư.

- Thực hiện đầu tư theo nguyên tắc huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa trung ương, địa phương và nhân dân cùng làm; trong đó chú trọng lồng ghép các chương trình, mục tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Điều 2. Cơ chế đầu tư giai đoạn 2 của Chương trình :

1. Về cơ chế, chính sách: Các dự án đầu tư bổ sung (giai đoạn 2) được áp dụng cơ chế, chính sách của Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 1, đồng thời điều chỉnh bổ sung như sau :

a) Các hộ dân thuộc diện đối tượng của Chương trình vào ở trong các cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ được:

- Vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để mua trả chậm nền nhà ở với mức 18 triệu đồng/hộ đối với khu vực ngập sâu (>3m); 16 triệu đồng /hộ đối với các khu vực khác;

- Vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nhà ở với mức 15 triệu đồng/hộ.

b) Đối với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư (gồm các công trình giao thông nội bộ, thoát nước và cấp nước sinh hoạt): Ngân sách Trung ương cấp 50% trên tổng mức đầu tư theo quy định, 50% còn lại do ngân sách địa phương cân đối và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

2. Về cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn ngân sách Trung ương cấp để đầu tư tôn nền phân diện tích xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong cụm, tuyến dân cư và 50% vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư;

b) Vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt nam với lãi suất 0% để đầu tư tôn nền phân diện tích xây dựng nhà ở;

c) Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất 3%/năm để đầu tư xây dựng nhà ở cho các hộ dân vào ở trong các cụm, tuyến dân cư;

d) Vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam với lãi suất hiện hành để đầu tư xây dựng bãi thu gom rác và công trình kè chống sạt lở các cụm, tuyến dân cư;

đ) Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn lồng ghép của địa phương đảm bảo đủ 20% chi phí đắp bờ bao và 50% chi phí xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư.

Điều 3. Tổng mức đầu tư và phân khai nguồn vốn đầu tư:

Tổng mức đầu tư các dự án bổ sung giai đoạn 2 của Chương trình là 2.387 tỷ đồng. Trong đó :

1. Vốn ngân sách Trung ương cấp để đầu tư tôn nền phần diện tích xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, 80% chi phí đắp bờ bao và 50% chi phí xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư là 905 tỷ đồng.

2. Vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam với lãi suất 0% để đầu tư tôn nền phần diện tích xây dựng nhà ở là 585 tỷ đồng.

3. Vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam với lãi suất hiện hành để đầu tư xây dựng các công trình thu gom rác, các công trình kè chống sạt lở các cụm, tuyến dân cư là 164 tỷ đồng.

4. Các nguồn vốn lồng ghép của địa phương đảm bảo đủ 20% chi phí các dự án đắp bờ bao và 50% chi phí xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư là 231 tỷ đồng.

5. Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất 3%/năm để đầu tư xây dựng nhà ở cho các hộ dân vào ở trong các cụm, tuyến dân cư là 502 tỷ đồng.

Việc phân bổ cụ thể mức vốn hỗ trợ đầu tư các Dự án giai đoạn 2 của Chương trình ghi tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Về thủ tục đầu tư:

1. Các dự án đầu tư bổ sung (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long không phải lập dự án mà chỉ lập thiết kế và dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Được áp dụng hình thức chỉ định thầu để thi công. Riêng đối với các dự án có điều kiện thuận lợi, có thể áp dụng hình thức đấu thầu hoặc chào giá cạnh tranh để thực hiện thi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 5. Thời gian thực hiện Chương trình giai đoạn 2: từ năm 2008-2010.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long:

a) Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các dự án đầu tư giai đoạn 2 thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân

b) Chỉ đạo rà soát các hộ dân thuộc đối tượng quy định, đồng thời căn cứ mức vốn được phân bổ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này chỉ đạo lập và phê duyệt các dự án đầu tư giai đoạn 2 của Chương trình xây dựng bổ sung các dự án cụm, tuyến dân cư và bờ bao khu dân cư có sẵn trên địa bàn, thực hiện việc sắp xếp thứ tự ưu tiên, các dự án quan trọng, cấp bách làm trước. Thoả thuận, thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo các dự án đầu tư giai đoạn 2 của Chương trình phải phù hợp với quy hoạch thuỷ lợi và quy hoạch kiểm soát lũ chung của toàn vùng.

c) Bố trí vốn ngân sách địa phương và bố trí các nguồn vốn lồng ghép và vốn huy động hợp pháp khác để đảm bảo đủ 20% chi phí đối với các dự án đắp bờ bao khu dân cư có sẵn và 50% chi phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu theo quy định.

d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, đảm bảo chất lượng các công trình, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát; chỉ đạo chủ đầu tư hoàn tất các thủ tục hoàn trả vốn vay theo quy định của các cơ quan cho vay; chỉ đạo thực hiện việc thanh, quyết toán các nguồn vốn đầu tư theo quy định.

đ) Có biện pháp phòng chống sởi lở các cụm, tuyến; đồng thời thực hiện tốt việc quản lý các cụm, tuyến dân cư, bảo đảm cảnh quan, vệ sinh môi trường, từng bước phát triển bền vững các cụm dân cư nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

e) Định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ, ngành Trung ương:

a) Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện có hiệu quả nội dung Quyết định này theo đúng mục tiêu và yêu cầu của Chương trình; tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng cân đối và xử lý nguồn vốn hỗ trợ cho các địa phương thực hiện.

c) Bộ Tài chính bố trí vốn ngân sách Trung ương để cấp cho các địa phương theo nội dung Quyết định này; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn việc bù lãi suất cho phần vốn huy động và phí quy định cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội; bố trí kinh phí hoạt động cho Ban điều phối Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long theo dự toán kinh phí hàng năm; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn đầu tư theo quy định.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thoả thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo các dự án đầu tư giai đoạn 2 của Chương trình phải phù hợp với quy hoạch thủy lợi và quy hoạch kiểm soát lũ chung của toàn vùng.

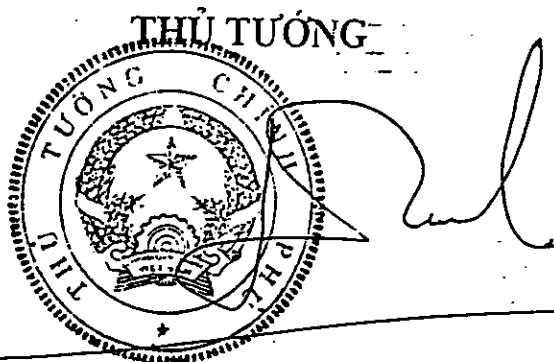
d) Các Bộ, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các Bộ, ngành liên quan, căn cứ nội dung Quyết định này và chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra các địa phương thực hiện theo đúng quy định hiện hành; xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 8. Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long và Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Thủ tướng, các PTTg Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Các Vụ: KTTH, ĐP, NC, KGVX, TTH, TTĐT, TH;
- Lưu: VT, KTN (5b), Huệ. 50



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh	Tổng số hộ dân (hộ)	Trong đó		Vốn đầu tư (tỷ đồng)					
			Số hộ dân di dời vào ở trong cụm, tuyến (hộ)	Số hộ dân trong khu vực bờ bao (hộ)	Vốn NS TW	Vốn NSĐP và huy động khác	Vốn vay để tôn nền phần DT xây dựng nhà ở	Vốn vay để XD bãi rác và kê chống sạt lở	Vốn vay làm nhà ở	Cộng vốn đầu tư
1	Long An							7		7
2	Đồng Tháp	12.675	12.675		304	76	228	32	190	830
3	An Giang	11.262	11.262		270	68	203	83	169	793
4	Kiên Giang	2.420	2.420		53	15	39	14	36	157
5	Tiền Giang	14.372	1.096	13.276	115	29	18	17	16	195
6	Vĩnh Long	7.920	2.350	5.570	82	21	38	11	35	187
7	Hậu Giang	3.707	3.707		81	22	59		56	218
	Cộng	52.356	33.510	18.846	905	231	585	164	502	2.387